

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/8/2019

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 379/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Huyền T**, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Tổ 11, khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1992.

ĐKHKTT: Khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 5/1/171 V, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 11, khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 5/1/171 V, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị chị T, anh Đ, bà Y, ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 04/7/2013. Tuy nhiên cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và xử lý các vấn đề phát sinh của cuộc sống gia đình. Dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân một thời gian. Hiện cả hai không còn tình cảm với nhau nên chị xin ly hôn anh Đ.

Chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Đức K- sinh ngày 02/12/2014, hiện đang ở với anh Đ. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là anh Trần Văn Đ trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Anh thừa nhận cuộc sống chung không hòa hợp do tính cách, quan điểm sống của hai bên khác nhau. Vợ chồng thường xảy ra to tiếng nhưng không có biện pháp khắc phục. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh và mẹ đẻ của anh đã trực tiếp tìm gặp, khuyên bảo chị T về đoàn tụ với anh nhưng chị T không về. Xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh nhất trí ly hôn chị T.

Anh và chị T có một con chung là Trần Đức K- sinh ngày 02/12/2014. Anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Bà Nguyễn Thị Kim Y (là mẹ chị T) và ông Trần Văn N (là bố anh Đ) đều trình bày mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Bà Y, ông N xác định sẽ hỗ trợ chị T, anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc cháu K.

Tại phiên tòa: Chị T, anh Đ thuận tình ly hôn và đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T trình bày mới xin được việc làm tại Trường cao đẳng Dược Hải Dương và nếu được quyền nuôi dưỡng cháu K thì chị sẽ gửi cháu về Quảng Ninh nhờ bà Y chăm sóc hộ.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ. Giao cháu K cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của

anh Đ không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu K. Buộc các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về hôn nhân*: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh Đ đều xác định cuộc sống chung không hạnh phúc do khác biệt về tính cách và bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được và đã sống ly thân một thời gian. Hiện cả hai đều không còn tình cảm với nhau và tự nguyện thuận tình ly hôn. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ.

[2] *Về con chung*: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Trần Đức K- sinh ngày 02/12/2014. Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của các đương sự là chính đáng nhưng việc giao con chung cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Nhận thấy quá trình chung sống, chị T, anh Đ ở nhờ nhà đất của vợ chồng ông N và được gia đình hỗ trợ việc chăm sóc cháu K. Thời gian hai bên sống ly thân, cháu K vẫn luôn ở cùng anh Đ. Hiện vợ chồng ông N có phòng trọ cho thuê và chỉ có anh Đ ở cùng vợ chồng ông. Anh Đ có công việc và thu nhập ổn định với mức lương từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng. Trong khi đó chị T mới vào làm việc tại Trường cao đẳng D, còn trong thời gian thử việc nên công việc chưa ổn định, thu nhập thấp. Chị T phải thuê nhà trọ ở thành phố H để thuận tiện cho việc đi làm và đến cuối tuần mới về ở cùng vợ chồng bà Y tại Quảng Ninh. Theo trình bày của bà Y vì gia đình bà đang xây nhà nên hiện nay phải ở nhờ nhà đất của bà ngoại chị T. Tại phiên tòa, chị T trình bày nếu được nuôi con thì chị sẽ gửi cháu K cho bà Y nuôi hộ chứ chị không trực tiếp trông nom, chăm sóc cho cháu được. Vì vậy xác định hiện chị T chưa đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên HĐXX cần giao cháu K cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị T, anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh Trần Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Văn Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đức K- sinh ngày 02/12/2014 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0007038 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hoàn trả chị T số tiền chênh lệch là 225.000đ.

Anh Trần Văn Đ phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Thanh Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy